

PHỤ LỤC II

MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THIẾT KẾ VIETTEL** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL

Trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: +84 04 62660165

Fax: +84 04 62660249

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Chí

Địa chỉ liên lạc : Số 19, đường số 3, P. Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0983 315 476 ; +84 04 62660111

Fax: +84 04 62660249

Loại thông tin công bố: £ 24h £ 72h £ Yêu cầu £ Bất thường X Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2014.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đại tá Lê Văn Chí

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL

-----***-----

Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

Website: <http://www.vietteltuvanthietke.com.vn>

Email: kstk@viettel.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2014

Phụ lục số II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL
Năm 2014

I.Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100109106-075**
- Vốn điều lệ: **16.000.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **16.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 1 Giang Văn Minh, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **04.62660165/ 04.62660167**
- Số fax: **04.62660249**
- Website: **www.vietteltuvanthietke.com.vn**
- Email: **kstk@viettel.com.vn**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Viettel tiền thân là Xí nghiệp khảo sát thiết kế thuộc Tổng Công ty Viễn thông quân đội (nay là Tập đoàn Viễn thông Quân đội) được thành lập theo Quyết định số : 12/2006/QĐ-BQP ngày 12/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng.

Thực hiện chủ trương đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 24/9/2008, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký Quyết định số 3008/QĐ-BQP về việc cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng công ty Viễn thông Quân đội, đồng thời ra quyết định số 3345/QĐ-BQP ngày 20/10/2008 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng công ty Viễn thông Quân Đội.

Ngày 28/10/2008, Ban chỉ đạo cổ phần hoá đã ký quyết định số 1257/QĐ-BCĐ về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng công ty Viễn thông Quân đội.

Sau một thời gian khẩn trương triển khai công tác xác định giá trị doanh nghiệp, ngày 06/7/2009, Bộ quốc phòng đã ký quyết định số 2133/QĐ-BQP phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH nhà nước MTV. Trên cơ sở giá trị doanh nghiệp được phê duyệt, Ban chỉ đạo CPH đã chỉ đạo Công ty hoàn thiện phương án kinh doanh, phương án CPH, xác định vốn điều lệ & cơ cấu vốn điều lệ cho Công ty cổ phần.

Ngày 30/01/2010, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel được tổ chức thành công, với số vốn điều lệ là : 16.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn : Tập đoàn Viễn thông Quân đội, là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 1.088.000 cổ phần, tương ứng 10.880.000.000 đồng, chiếm 68%, còn lại là các cổ đông thiểu số.

Và Công ty đã có giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100109106-075 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà nội cấp ngày 23/3/2010, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 số 0100109106-075 ngày 10/07/2013.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh : (theo đăng ký thay đổi lần 4 ngày 10/7/2013)*

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết
- + Thiết kế công trình thông tin, bưu chính viễn thông;
- + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Thiết kế kiến trúc công trình;
- + Thiết kế công trình đường bộ;
- + Giám sát thi công xây dựng công trình : lắp đặt thiết bị, công nghệ mạng thông tin bưu chính viễn thông;
- + Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Khảo sát, đo đạc địa hình lập bản đồ công trình tỷ lệ $\leq 1/2000$;
- + Khảo sát xây dựng, khoan phụt xử lý nền móng công trình xây dựng;
- + Khảo sát địa chất công trình;
- + Thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế và dự toán xây dựng công trình (trong lĩnh vực Công ty có chứng chỉ);
- + Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- + Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- + Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Chi tiết
- + Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết :
- + Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu;
- + Thí nghiệm việc kiểm tra, đánh giá các đặc trưng kỹ thuật của đất xây dựng, vật liệu, kết cấu, cấu kiện sử dụng trong các công trình xây dựng;
- + Dịch vụ chuyển giao công nghệ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết :

+ Kinh doanh bất động sản;

+ Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

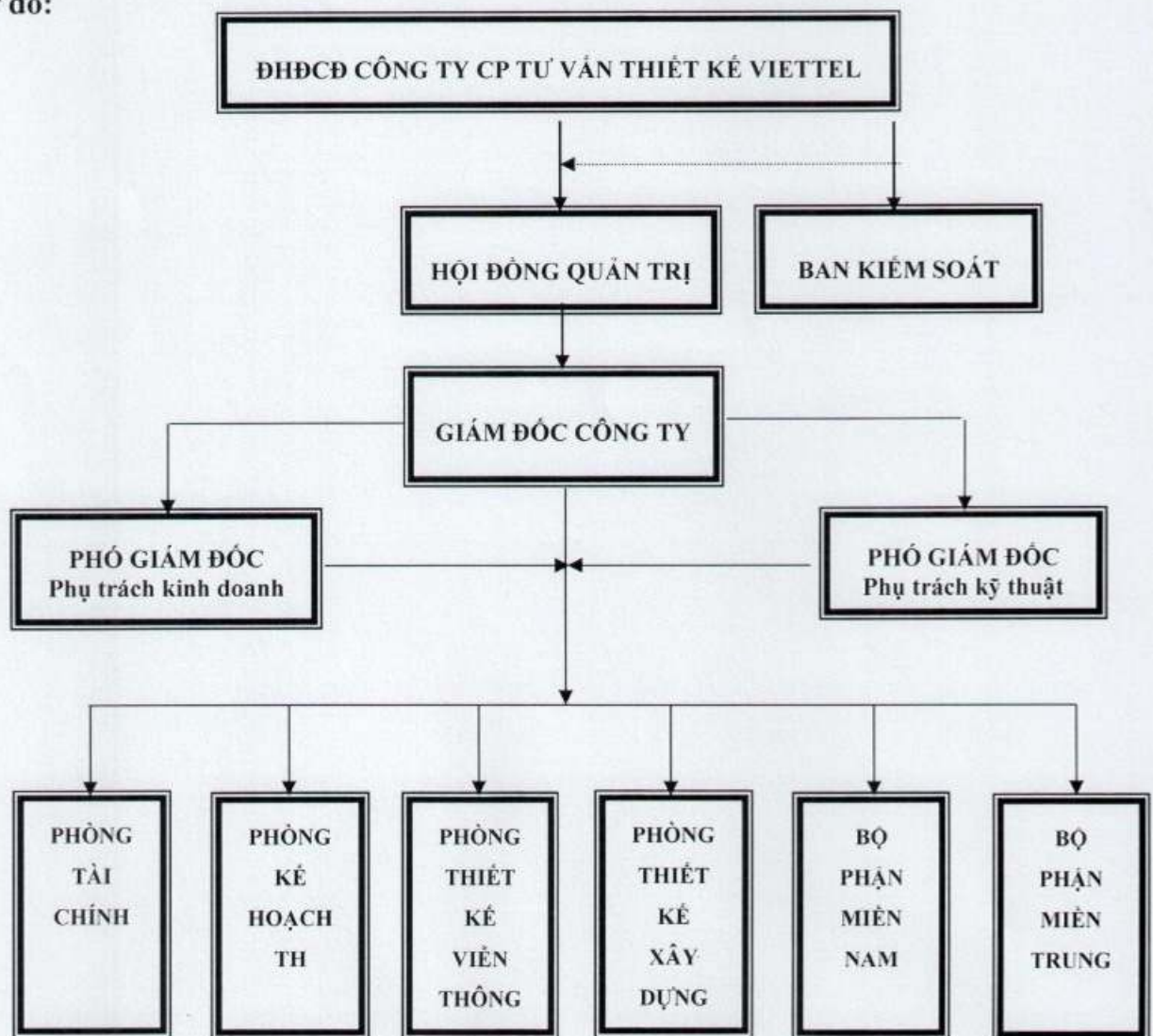
- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu là thị trường trong nước và một số nước do Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội đã và đang xúc tiến đầu tư mạng viễn thông như : Peru, Mozambique, Haiti, Đông Timo

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ:



- Công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :
 - + Tổng doanh thu : phấn đấu đạt 60 tỷ đồng – 62 tỷ đồng.
 - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng doanh thu đạt : 18% - 18,7%.
 - + Tỷ lệ trả cổ tức phần đầu bằng năm trước, đạt 15%.
 - + Mở rộng lĩnh vực mới : Thiết kế công trình điện dân dụng và Công nghiệp.
 - + Nhận thực hiện tư vấn lắp đặt hệ thống điện nhẹ cho các trụ sở làm việc, các tòa nhà dịch vụ tổng hợp.
 - + Nhận và hoàn thành với tiến độ đảm bảo và chất lượng cao nhất các dự án do Tập Đoàn Viễn thông Quân đội trực tiếp làm chủ đầu tư về di động 2G, 3G, trồng cột kéo cáp, các dự án ngầm hóa, tham gia các dự án truyền hình cáp
 - + Triển khai KSTK kéo cáp quang, vi ba, cáp thả sông : tham gia thực hiện khối lượng triển khai đầu tư mới của Tổng công ty Mạng lưới Viettel.
 - + Tiếp tục tham gia công tác tư vấn xây dựng tất cả các công trình ngầm hóa do các đơn vị trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội làm chủ đầu tư, trọng tâm là dự án ngầm hóa, kiên cố hóa hệ thống truyền dẫn kết nối cho các tỉnh ven biển phòng chống thiên tai.
 - + Tham gia khảo sát thiết kế hạ tầng viễn thông của Viettel tại các thị trường nước ngoài : Peru, Tazania..., các thị trường nước ngoài mà Tập Đoàn đầu tư.
 - + Tổ chức lực lượng triển khai các lĩnh vực tư vấn dự án : Tư vấn giám sát công trình, tư vấn xây dựng chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông...
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :
 - + Nhằm khai thác hết lợi thế của doanh nghiệp, tăng tính hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững , lâu dài và ổn định cho doanh nghiệp.
 - + Công ty đã tiến hành củng cố, xây dựng, đào tạo lực lượng tiếp tục đi ra nước ngoài tiến hành công việc khảo sát thiết kế các công trình viễn thông, tạo tiền đề mở rộng thị trường ra nước ngoài trong thời gian tới.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :
 - + Không thực hiện các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng.
 - + Tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện để góp phần đưa hình ảnh thân thiện của Công ty đến với mọi người.

6. Các rủi ro:

- Thị trường viễn thông trong nước đang dần bị bão hòa.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- + Doanh thu cả năm đạt : 62,31 tỷ giảm 0,87 % so với năm 2013
 - + Lợi nhuận trước thuế đạt : 16,45 tỷ tăng 4,6 % so với năm 2013
 - + Lợi nhuận sau thuế đạt : 12,81 tỷ tăng 8,79% so với năm 2013
 - + Không phát sinh các khoản công nợ khó đòi, tình hình tài chính lành mạnh.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch :
- + Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ tăng 3,85%/kế hoạch năm 2014
 - + Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 16,45 tỷ đồng tăng 13,44 %/kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :

1/ Ông Lê Văn Chí - Chức vụ: Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT

Sinh năm : 1963

Số CMND: 85063230 do Tổng cục Chính trị/BQP cấp ngày 15/10/2013

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 10,497% (trong đó 10% đại diện cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội (tương ứng với 160.000 cổ phần) ; 0,497% do bản thân sở hữu (tương ứng với 7.947 cổ phần)

2/ Ông Võ Minh Đường - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Sinh năm : 1971

Số CMND: 011482616 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/11/2005

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,075% (do bản thân sở hữu tương ứng với 1.200 cổ phần)

3/ Ông Lê Hòa Miên - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (miễn nhiệm ngày 30/6/2014)

Sinh năm : 1976

Số CMND: 024375209 do Công an TPHCM cấp ngày 20/07/2008

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,198% (do bản thân sở hữu tương ứng với 3.173 cổ phần)

4/ Ông Nguyễn Đăng Hùng - Chức vụ : Phó Giám đốc Công ty (giao nhiệm vụ ngày 30/6/2014)

Sinh năm : 1979

Số CMND : 011953637 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 4/5/2006

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,35% (do bản thân sở hữu tương ứng với 5.647 cổ phần)

5/ Bà Nguyễn Thị Tú Quyên - Chức vụ: Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1966

Số CMND: 012299095 do Công an Hà Nội cấp ngày 16/11/2010

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 7,792% (trong đó 7% đại diện cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội (tương ứng với 112.000 cổ phần) ; 0,792% do bản thân sở hữu (tương ứng với 12.674 cổ phần)

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ông Lê Hòa Miên đã miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty từ ngày 30/6/2014

Ông Nguyễn Đăng Hùng được giao nhiệm vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 30/6/2014.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 69 người.

- Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; Thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết : Không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	63.433.995.354	69.578.257.271	+ 9,69
Doanh thu thuần	60.909.131.978	60.811.105.127	- 0,16
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.728.445.397	16.463.956.008	+ 4,68
Lợi nhuận khác	(4.373.001)	(11.862.099)	+ 171,26
Lợi nhuận trước thuế	15.724.072.396	16.452.093.909	+ 4,63
Lợi nhuận sau thuế	11.773.961.046	12.808.772.787	+ 8,79
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	20,38%	18,74%	-8,06

(Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4,78	7,65	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	4,48	7,53	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,18	0,12	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,23	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	11,82	16,80	

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,96	0,87	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,19	0,21	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,21	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,19	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,26	0,27	

(Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán).

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 1.600.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.600.000 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo Điều lệ công ty: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/12/2014 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông hạn chế chuyển nhượng	0	0	0
2. Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng số CP)	1	1.088.000	68,00
-Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	1	1.088.000	68,00
3. Thành phần cổ đông	416	1.600.000	100,00
- Cá nhân trong nước	414	464.000	29,00
- Tổ chức trong nước	2	1.136.000	71,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch, dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2014 là năm trong nước & trên toàn thế giới vẫn trong giai đoạn khó khăn, nền kinh tế suy giảm, lạm phát tăng cao và sự bão hòa của mạng lưới viễn thông trong nước cũng phần nào ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tác động làm cho doanh thu của Công ty giảm so với năm 2013 tuy nhiên Công ty đã thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi phí nên các chỉ tiêu về lợi nhuận đều tăng so với năm 2013 và kế hoạch đề ra.

Với sự cố gắng nỗ lực của Hội đồng Quản trị, của Ban Giám đốc & sự giám sát chặt chẽ, sát sao của Ban kiểm soát, sự đoàn kết, không ngừng học tập, sáng tạo, nắm bắt nhanh công nghệ mới, chủ động trong công việc của đội ngũ CBCNV, nên Công ty đã hoàn thành được cơ bản các nhiệm vụ được giao, đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định, cổ tức dự kiến 15 %.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy hành chính của công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm, tối ưu chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.

- Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, quý, tháng & từng tuần. Triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác giao ban, hội ý, giao việc được tổ chức định kỳ, thường xuyên, kịp thời, phân công trách nhiệm cụ thể, đôn đốc sát sao để công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được hiệu quả cao.

- Công ty thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm trong công việc, hàng tháng tổ chức các lớp học (cử các cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao để truyền đạt, hướng dẫn cho các đồng chí mới, kinh nghiệm còn hạn chế).

- Năm 2014 Công ty tiếp tục điều chỉnh & áp dụng định mức lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình, đặc thù công việc nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, tăng lợi nhuận tối đa, đời sống người lao động được nâng lên.

- Các biện pháp kiểm soát: Công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các phòng ban, các cá nhân về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, các khoản công nợ phải thu, phải trả, tăng khả năng quay vòng vốn,...

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Tài sản ngắn hạn	56.037.278.283	62.348.745.809	
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	29.157.955.176	39.826.364.635	
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	23.279.716.466	21.603.945.847	
+ Hàng tồn kho	3.536.498.641	910.435.327	
+ Tài sản ngắn hạn khác	63.108.000	8.000.000	
2. Tài sản dài hạn	7.396.717.071	7.229.511.462	
+ Tài sản cố định	6.756.801.980	6.587.521.635	
+ Tài sản dài hạn khác	639.915.091	641.989.827	
Tổng cộng tài sản :	63.433.995.354	69.578.257.271	
3. Các chỉ tiêu đánh giá :			
Vòng quay tài sản	0,95	0,91	
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	24,79%	23,64%	

(Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán).

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
	Nợ ngắn hạn	11.713.339.540	8.155.265.670
1.	Vay và nợ ngắn hạn	0	0
2.	Phải trả người bán	2.212.322.553	970.332.373
3.	Người mua trả tiền trước	85.725.089	0
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.906.502.674	1.684.297.071
5.	Phải trả người lao động	5.069.503.842	3.638.857.668
6.	Chi phí phải trả	633.098.404	0
7.	Các khoản phải trả phải nộp khác	917.511.863	905.284.193
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	888.675.115	956.494.365

Stt	Chi tiêu	31/12/2013	31/12/2014
	Nợ dài hạn	0	0
10.	Vay và nợ dài hạn		
11.	Phải trả dài hạn khác		
12.	Dự phòng trợ cấp mất việc	-	-
	Tổng cộng	11.713.339.540	8.155.265.670

(Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán).

Trong năm 2014 Công ty không có các khoản nợ xấu (bao gồm cả nợ phải thu và nợ phải trả), tình hình tài chính năm 2014 được đánh giá là lành mạnh, có hiệu quả.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4.Kế hoạch phát triển trong tương lai

5.Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không .

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

* Doanh thu cả năm 2014 đạt : 62,31 tỷ giảm 0,87 % so với năm 2013, tăng 3,85% so với kế hoạch năm 2014

- Lợi nhuận trước thuế đạt : 16,45 tỷ tăng 4,6 % so với năm 2013, tăng 13,44% so với kế hoạch năm 2014

- Lợi nhuận sau thuế đạt : 12,81 tỷ

Năm 2014 Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như : Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế môn bài...đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển của Công ty, tuy nhiên trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, nên chỉ tiêu về doanh thu đã giảm nhẹ so với kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động, tiết kiệm, tối ưu chi phí do vậy chỉ tiêu lợi

nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Công ty từ đó tạo động lực thúc đẩy Công ty tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;

- HĐQT sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Công ty để đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2014 và những năm tiếp theo;

- Cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong Công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;

- Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ của Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông Công ty.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- **Danh sách HĐQT**

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác
Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	51,097%	Phó TGD Tập đoàn VTQĐ Chủ tịch HĐQT Cty CP Công trình Viettel
Lê Văn Chí	Thành viên HĐQT/Giám đốc	10,497%	
Nguyễn Thị Tú Quyên	Thành viên HĐQT/Kế toán trưởng	7,792%	

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 09 cuộc họp để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường

niên năm 2014. HĐQT luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và kinh doanh có hiệu quả.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	21/NQ-HĐQT	12/3/2014	Nghị quyết về việc Triệu tập đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014
2	22/NQ-HĐQT	10/4/2014	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
3	23/NQ-HĐQT	10/4/2014	Nghị quyết về chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt
4	24/NQ-HĐQT	30/6/2014	Nghị quyết về miễn nhiệm và giao nhiệm vụ chức danh Phó Giám đốc Công ty
5	25/NQ-HĐQT	17/7/2014	Nghị quyết về chốt danh sách cổ đông đăng ký lưu ký chứng khoán
6	26/QĐ-HĐQT	18/11/2014	Quyết định về việc ban hành Quy chế về quản lý công nợ

d)Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành : Không có

e)Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f)Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
Các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

2. Ban Kiểm soát:

a)Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

- Danh sách Ban Kiểm Soát:

Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Hoàng Tuấn Linh	Trưởng BKS	0,052%	Giám đốc Cty TNHH MTV kinh doanh nhà Viettel
Đặng Thị Kim Hoa	Thành viên BKS	0,08%	Phó phòng Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Mai Xuân Thiều	Thành viên BKS	0,03%	Chủ tịch Công đoàn CS – Công ty CP Tư vấn thiết kế Viettel

b)Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 được tổ chức vào ngày 10/04/2014 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2014 theo các mức như sau:

STT	Thành phần	Số tiền (đồng)/tháng
1	Ông Hoàng Công Vĩnh - Chủ tịch HĐQT	3.000.000
2	Ông Lê Văn Chí- Thành viên HĐQT	2.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Tú Quyên - Thành viên HĐQT	2.000.000
4	Ông Hoàng Tuấn Linh- Trưởng Ban kiểm soát	2.000.000
5	Bà Đặng Thị Kim Hoa - Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000
6	Ông Mai Xuân Thiều – Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000

Bảng tổng hợp các khoản thưởng, thù lao của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2014:

Stt	Nội dung	Chức vụ	Năm 2014		
			Thù lao	Thưởng/Chi phí khác	Tổng
I/	Hội đồng Quản trị :		84.000.000	0	84.000.000
1	Hoàng Công Vĩnh	CT. HĐQT	36.000.000	0	36.000.000
2	Lê Văn Chí	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
3	Nguyễn Thị Tú Quyên	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000

II/	Ban Kiểm soát:		48.000.000	0	48.000.000
1	Hoàng Tuấn Linh	Trưởng BKS	24.000.000	0	24.000.000
2	Đặng Thị Kim Hoa	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
3	Mai Xuân Thiều	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
	Tổng cộng :		132.000.000	0	132.000.000

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có*

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.*

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty : Mọi hoạt động về quản trị Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.*

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) :

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel

Mẫu số B01 -DN

Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		62.348.745.809	56.037.278.283
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		39.826.364.635	29.157.955.176
I.Tiền	111	V.01	1.826.364.635	1.157.955.176

2. Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	28.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.603.945.847	23.279.716.466
1. Phải thu của khách hàng	131		21.477.864.739	23.196.966.467
2. Trả trước cho người bán	132		15.720.000	10.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	110.361.108	72.749.999
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		910.435.327	3.536.498.641
1. Hàng tồn kho	141	V.04	910.435.327	3.536.498.641
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.000.000	63.108.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.000.000	63.108.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		7.229.511.462	7.396.717.071
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		6.587.521.635	6.756.801.980
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.863.368.235	3.032.648.580
- Nguyên giá	222		4.747.157.547	4.534.184.820
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.883.789.312)	(1.501.536.240)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-

- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.724.153.400	3.724.153.400
- Nguyên giá	228		3.724.153.400	3.724.153.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		641.989.827	639.915.091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	641.989.827	639.915.091
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270= 100 + 200)	270		69.578.257.271	63.433.995.354
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310 + 320)	300		8.155.265.670	11.713.339.540
I. Nợ ngắn hạn	310		8.155.265.670	11.713.339.540
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả cho người bán	312		970.332.373	2.212.322.553
3. Người mua trả tiền trước	313		0	85.725.089
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.684.297.071	1.906.502.674
5. Phải trả người lao động	315		3.638.857.668	5.069.503.842
6. Chi phí phải trả	316	V.17	0	633.098.404
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	905.284.193	917.511.863
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			

11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.19	956.494.365	888.675.115
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
II.Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		61.422.991.601	51.720.655.814
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22	61.422.991.601	51.720.655.814
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.886.413.326	18.175.255.326
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.049.300.245	2.049.300.245
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.487.278.030	15.496.100.243
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II.Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		69.578.257.271	63.433.995.354

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel
Địa chỉ: Số 1 Giang văn Minh - Ba Đình - Hà Nội

Mẫu số B02 -DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	60.811.105.127	60.909.131.978
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
+ Chiết khấu thương mại	05			
+ Giảm giá hàng bán	06			
+ Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo PP trực tiếp	07			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		60.811.105.127	60.909.131.978
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	37.361.012.283	39.550.649.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.450.092.844	21.358.482.759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.499.422.289	1.951.137.620
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28		
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23			

8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.485.559.125	7.581.174.982
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		16.463.956.008	15.728.445.397
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		11.862.099	4.373.001
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(11.862.099)	(4.373.001)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.452.093.909	15.724.072.396
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	3.643.321.122	3.927.189.838
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	22.921.512
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.808.772.787	11.773.961.046
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		8.005	7.359

3- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel

Địa chỉ : Số 1 Giang Văn Minh - Ba Đình - Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
NĂM 2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3		4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		67.016.967.286	63.185.456.919
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(22.598.823.702)	(24.357.856.260)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.800.977.302)	(19.980.489.650)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(3.871.235.930)	(3.633.442.159)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.672.986.936	2.790.473.770
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.585.478.930)	(14.302.673.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		11.833.438.358	3.701.469.295
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(234.270.000)	

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.397.241.101	1.802.166.848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.162.971.101	1.802.166.848
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32			
của doanh nghiệp đã phát hành	33			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.328.000.000)	(2.328.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.328.000.000)	(2.328.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10.668.409.459	3.175.636.143
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.157.955.176	25.982.319.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII,34	39.826.364.635	29.157.955.176

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

GIÁM ĐỐC



Đại tá Lê Văn Chí